

Đơn vị: Trường Mầm non Sơn Ca
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 14 tháng 01 Năm 2025

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Trường Mầm non Sơn Ca công khai dự toán thu-chi ngân sách năm 2025 như sau:

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
1	2	3	
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, học phí	8.892.000.000	
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước		
	Thu học phí, hỗ trợ học phí	4.446.000.000	
	Chi học phí, hỗ trợ học phí	4.446.000.000	
B	Tổng số thu, chi, nộp NS từ thu sự nghiệp, thu dịch vụ		
1	Thu sự nghiệp	1.829.000.000	
	Tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, kỹ năng sống, môn anh văn với người bản địa	234.000.000	
	Giữ trẻ trong hè	180.000.000	
	Tổ chức quản lý bán trú, vệ sinh bán trú	783.000.000	
	Phục vụ ăn sáng	405.000.000	
	Chi trả lương HD nhân viên nuôi dưỡng	90.000.000	
	Trang thiết bị vật dụng bán trú	62.000.000	
	Học phẩm, học cụ, học liệu	75.000.000	
2	Chi sự nghiệp	1.829.000.000	
	Tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, kỹ năng sống, môn anh văn với người bản địa	234.000.000	

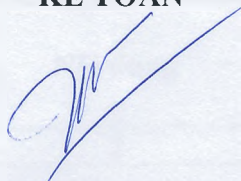
Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
1	2	3	
	Giữ trẻ trong hè	180.000.000	
	Tổ chức quản lý bán trú, vệ sinh bán trú	783.000.000	
	Phục vụ ăn sáng	405.000.000	
	Chi trả lương HD nhân viên nuôi dưỡng	90.000.000	
	Trang thiết bị vật dụng bán trú	62.000.000	
	Học phẩm, học cụ, học liệu	75.000.000	
3	Nộp NS từ nguồn thu sự nghiệp	36.580.000	
	Thuế TNDN 2% DT	36.580.000	
C	Dự toán chi ngân sách nhà nước		
I	Nguồn ngân sách trong nước		
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8.960.689.000	
1.1	Kinh phí thường xuyên	4.459.999.000	
	MÃ NGUỒN 13	3.081.000.000	
	TIÊU NHÓM 0129: CHI THANH TOÁN CHO CÁ NHÂN	2.779.661.000	
	Tiền lương	1.397.616.000	
6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương được duyệt	1.347.616.000	
6001	Lương tập sự	0	
6003	Lương hợp đồng dài hạn	0	
6049	Lương khác	50.000.000	
	Tiền công trả cho người lao động	0	
6051	Tiền công LĐTX theo hợp đồng		
	Phụ cấp lương	940.219.000	
6101	Chức vụ	35.760.000	
6105	Thêm giờ	252.000.000	
6112	Phụ cấp ưu đãi	459.462.000	
6113	Trách nhiệm	1.788.000	
6115	Phụ cấp thâm niên nghề	187.579.000	
6115	Phụ cấp Thâm niên VK	3.630.000	
	Tiền thưởng	16.848.000	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
1	2	3	
6201	Thường thường niên	16.848.000	
	Các khoản đóng góp	381.778.000	
6301	Bảo hiểm xã hội	276.179.000	
6302	Bảo hiểm y tế	48.738.000	
6303	Kinh phí công đoàn	32.492.000	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	16.246.000	
6349	Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	8.123.000	
	Các khoản thanh toán cá nhân	43.200.000	
6449	Chăm lo Tết	43.200.000	
	TIỂU NHÓM 0130: CHI VỀ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	304.344.000	
	Thanh toán dịch vụ công cộng	174.000.000	
6501	Thanh toán tiền điện	96.000.000	
6502	Thanh toán tiền nước	78.000.000	
	Vật tư văn phòng	9.000.000	
6551	Văn phòng phẩm	9.000.000	
	Thông tin tuyên truyền liên lạc	6.000.000	
6617	Cước phí internet	6.000.000	
	Công tác phí	0	
	Chi phí thuê mướn	33.000.000	
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	33.000.000	
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	34.340.000	
7001	Hàng hóa vật tư CM	34.340.000	
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn	46.502.000	
6907	Nhà cửa	45.000.000	
7799	Chi Khác	1.502.000	
	NGUỒN 14	1.378.999.000	
	TIỂU NHÓM 0129: CHI THANH TOÁN CHO CÁ NHÂN	1.379.000.000	
	Tiền lương	771.499.000	
6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương được duyệt	768.774.000	

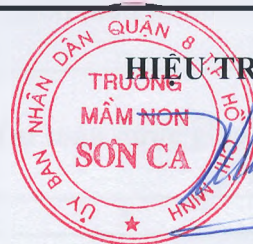
Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
1	2	3	
6049	Lương khác	2.725.000	
	Phụ cấp lương	394.270.000	
6101	Chức vụ	20.400.000	
6105	Thêm giờ	0	
6112	Phụ cấp ưu đãi	262.109.000	
6113	Trách nhiệm	2.682.000	
6115	Phụ cấp thâm niên nghề	107.008.000	
6115	Phụ cấp Thâm niên VK	2.071.000	
	Các khoản đóng góp	211.730.000	
6301	Bảo hiểm xã hội	153.166.000	
6302	Bảo hiểm y tế	27.029.000	
6303	Kinh phí công đoàn	18.020.000	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	9.010.000	
6349	Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	4.505.000	
	Chi khác	1.502.000	
7799	Chi các khoản khác	1.502.000	
	CÁC KHOẢN THANH TOÁN CÁ NHÂN	0	
6449	Kinh phí tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	0	
1.2	Kinh phí không thường xuyên	4.500.690.000	
	MÃ NGUỒN 12	1.474.690.000	
	TIÊU NHÓM 0129: CHI THANH TOÁN CHO CÁ NHÂN	1.470.370.000	
	Phụ cấp lương	1.038.000.000	
6106	Thêm giờ	467.000.000	
6116	Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	571.000.000	
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	8.370.000	
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	4.050.000	
6199	Các khoản hỗ trợ khác	4.320.000	
	Các khoản thanh toán cá nhân	424.000.000	
6449	Chi khác	424.000.000	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
1	2	3	
	TIỂU NHÓM 0132: CÁC KHOẢN CHI KHÁC	4.320.000	
	Chi khác	4.320.000	
7766	Cấp bù học phí cho các cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	4.320.000	
	MÃ NGUỒN 14	3.026.000.000	
	TIỂU NHÓM 0129: CHI THANH TOÁN CHO CÁ NHÂN	3.026.000.000	
	CÁC KHOẢN THANH TOÁN CÁ NHÂN	3.026.000.000	
6449	Chi CNTT theo NQ 08/2023/NQ-HĐND	3.026.000.000	

KÊ TOÁN



Lê Ngọc Hạnh



HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Nhiều